

Nghệ An, ngày 16 tháng 07 năm 2026

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 2026 - ĐỢT CHÍNH THỨC

Ngành/Nghề:

Nghệ thuật biểu diễn dân ca (6 năm)

Dot TS:

2026 - dot 1

Trình độ:

Trung cấp

Hình thức:

Chính quy

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	KV	ĐT	Điểm Thăm âm - Tiết tấu	Điểm Chuyên ngành	Điểm ưu tiên ĐT	Điểm ưu tiên KV	Tổng điểm	Ghi chú
1	TC2026/CT_378	Cao Minh Anh	Nữ	22/5/2015	Nghệ An		KV2		6.00	7.50	0	0.25	21.25	
2	TC2026/CT_379	Lê Phan Quỳnh Anh	Nữ	21/02/2015	Nghệ An		KV2		5.00	5.00	0	0.25	15.25	
3	TC2026/CT_380	Nguyễn Ngọc Bảo Anh	Nữ	09/9/2015	Nghệ An		KV2		7.00	7.50	0	0.25	22.25	
4	TC2026/CT_381	Nguyễn Thị Thực Anh	Nữ	06/8/2014	Nghệ An		KV2		5.00	6.00	0	0.25	17.25	
5	TC2026/CT_383	Phạm Tuấn Anh	Nam	29/10/2014	Nghệ An		KV2		5.00	6.50	0	0.25	18.25	
6	TC2026/CT_382	Phan Thị Trúc Anh	Nữ	05/01/2012	Nghệ An		KV2		4.00	6.00	0	0.25	16.25	
7	TC2026/CT_384	Nguyễn Khả Ái	Nữ	16/3/2015	Nghệ An		KV2		7.00	7.00	0	0.25	21.25	
8	TC2026/CT_385	Bùi Văn Gia Bảo	Nam	02/12/2014	Nghệ An		KV2		6.00	6.00	0	0.25	18.25	
9	TC2026/CT_386	Nguyễn Bảo Châu	Nữ	25/10/2015	Nghệ An		KV2		7.00	7.50	0	0.25	22.25	
10	TC2026/CT_387	Nguyễn Thị Hải Châu	Nữ	13/01/2015	Nghệ An		KV2		4.50	5.00	0	0.25	14.75	
11	TC2026/CT_388	Lê Thị Quỳnh Chi	Nữ	27/10/2014	Nghệ An		KV2		7.00	7.50	0	0.25	22.25	
12	TC2026/CT_389	Nguyễn Quỳnh Chi	Nữ	19/9/2015	Nghệ An		KV2		6.00	6.50	0	0.25	19.25	
13	TC2026/CT_390	Trần Anh Diệp	Nữ	04/5/2015	Nghệ An		KV2		5.00	6.00	0	0.25	17.25	
14	TC2026/CT_391	Lê Nguyễn Linh Đan	Nữ	10/9/2012	Nghệ An		KV2		6.50	6.00	0	0.25	18.75	
15	TC2026/CT_392	Lê Quang Giáp	Nam	08/5/2014	Nghệ An		KV2		7.00	7.50	0	0.25	22.25	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	KV	ĐT	Điểm Thăm âm - Tiết tấu	Điểm Chuyên ngành	Điểm ưu tiên ĐT	Điểm ưu tiên KV	Tổng điểm	Ghi chú
16	TC2026/CT_393	Cao Phan Thị Ánh Hồng	Nữ	10/01/2014	Nghệ An		KV2		5.50	6.50	0	0.25	18.75	
17	TC2026/CT_394	Hà Minh Huyền	Nữ	02/10/2014	Nghệ An		KV2		5.00	5.50	0	0.25	16.25	
18	TC2026/CT_395	Đậu Đăng Khang	Nam	23/02/2012	Nghệ An		KV2		6.00	6.00	0	0.25	18.25	
19	TC2026/CT_397	Nguyễn Thị Huyền Mỹ	Nữ	08/11/2015	Nghệ An		KV2		6.50	6.00	0	0.25	18.75	
20	TC2026/CT_398	Võ Bảo Ngọc	Nữ	02/6/2015	Nghệ An		KV2		7.00	7.00	0	0.25	21.25	
21	TC2026/CT_399	Hồ Thị Minh Nguyệt	Nữ	24/7/2015	Nghệ An		KV2		5.00	5.00	0	0.25	15.25	
22	TC2026/CT_400	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Nữ	25/8/2014	Nghệ An		KV2		6.00	7.50	0	0.25	21.25	
23	TC2026/CT_401	Phùng Thị Quỳnh Như	Nữ	27/9/2013	Nghệ An		KV2		5.50	5.00	0	0.25	15.75	
24	TC2026/CT_402	Phạm Nguyễn Uyên San	Nữ	01/11/2014	Nghệ An		KV2		6.00	6.00	0	0.25	18.25	
25	TC2026/CT_403	Đinh Công Minh Sơn	Nam	02/5/2015	Nghệ An		KV2		5.00	5.00	0	0.25	15.25	
26	TC2026/CT_404	Đinh Ngọc Ánh Thao	Nữ	08/7/2014	Nghệ An		KV2		4.50	5.00	0	0.25	14.75	
27	TC2026/CT_405	Nguyễn Lê Anh Thư	Nữ	28/02/2015	Nghệ An		KV2		5.00	5.00	0	0.25	15.25	
28	TC2026/CT_406	Phạm Lê Song Thư	Nữ	16/12/2014	Nghệ An		KV2		7.00	7.00	0	0.25	21.25	
29	TC2026/CT_407	Nguyễn Thị Hải Thương	Nữ	23/3/2015	Nghệ An		KV2		4.00	4.00	0	0.25	12.25	
30	TC2026/CT_408	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	22/6/2015	Nghệ An		KV2		6.50	7.00	0	0.25	20.75	
31	TC2026/CT_409	Nguyễn Quang Trung	Nam	20/02/2012	Nghệ An		KV2		5.00	6.00	0	0.25	17.25	
32	TC2026/CT_410	Nguyễn Hồ Anh Tuấn	Nam	10/8/2013	Nghệ An		KV2		4.50	5.00	0	0.25	14.75	
33	TC2026/CT_411	Phan Thị Bích Tuyền	Nữ	28/7/2012	Nghệ An		KV2		4.00	5.00	0	0.25	14.25	
34	TC2026/CT_413	Lâm Thế Vinh	Nam	11/3/2013	Nghệ An		KV2		6.00	6.00	0	0.25	18.25	
35	TC2026/CT_414	Kha Phương Vy	Nữ	22/9/2014	Nghệ An		KV2	ĐT 01	5.00	5.00	2.00	0.25	17.25	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	KV	ĐT	Điểm Thăm âm - Tiết tấu	Điểm Chuyên ngành	Điểm ưu tiên ĐT	Điểm ưu tiên KV	Tổng điểm	Ghi chú
36	TC2026/CT_415	Nguyễn Thị Khánh Vy	Nữ	26/6/2015	Nghệ An		KV2		7.00	7.00	0	0.25	21.25	
37	TC2026/CT_396	Trần Lê Bảo Yến	Nữ	17/11/2015	Nghệ An		KV2		6.00	6.50	0	0.25	19.25	

Ghi chú: Điểm đã nhân hệ số môn Chuyên ngành, Hình họa.

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH NĂM 2026